

# LẬP KẾ HOẠCH NGÂN SÁCH VÀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

## Bài giảng 03: Phân tích Báo cáo tài chính

HỌC KỲ HÈ

GIẢNG VIÊN: TRẦN THỊ QUẾ GIANG

TRỢ GIẢNG: BÙI THỊ KIM LOAN

CHU THỊ HOÀNG OANH

*Tham khảo chương trình môn học*

*PUBPOL 522 Evans school*

Fulbright

# Nội dung bài giảng

---

- ❖ Tình hình tài chính
  - ❖ Tính thanh khoản
  - ❖ Khả năng sinh lời
  - ❖ Khả năng thanh toán
- ❖ Các cân đối tài chính
- ❖ Các rủi ro tài chính
- ❖ Bài kiểm tra điểm 10
- ❖ Chiến lược tài chính

# Mục tiêu phân tích báo cáo tài chính

---

Ai phân tích? Phân tích cho ai?

Quan tâm điều gì?

- Chủ nợ thương mại: tập trung vào thanh khoản
- Chủ nợ ngân hàng: tập trung vào ngân lưu ngắn hạn
- Trái chủ: tập trung vào ngân lưu dài hạn
- Cổ đông: tập trung vào lợi nhuận, cổ tức và sức khỏe tài chính dài hạn của doanh nghiệp

Mục tiêu sv. Mục đích?

- Hiểu được thực trạng tài chính của công ty
- Hiểu được các điểm mạnh, điểm yếu cũng như những khó khăn, thách thức về mặt tài chính của công ty
- củng cố và cải thiện năng lực tài chính công ty
- Hoạch định tài chính và quản trị rủi ro tài chính
- Đưa ra các quyết định đầu tư, tài trợ...

# Tài liệu sử dụng phân tích

---

Các báo cáo tài chính của công ty

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo thu nhập
- Báo cáo ngân lưu
- [Báo cáo lợi nhuận giữ lại]
- Thuyết minh báo cáo tài chính

Báo cáo kiểm toán độc lập về báo cáo tài chính

Báo cáo thường niên của công ty

Bản cáo bạch (nếu có)

Các báo cáo quản trị

Dữ liệu vĩ mô, dữ liệu ngành, DN trong ngành

# Các công cụ và phương pháp phân tích

---

Phân tích quy mô và cơ cấu

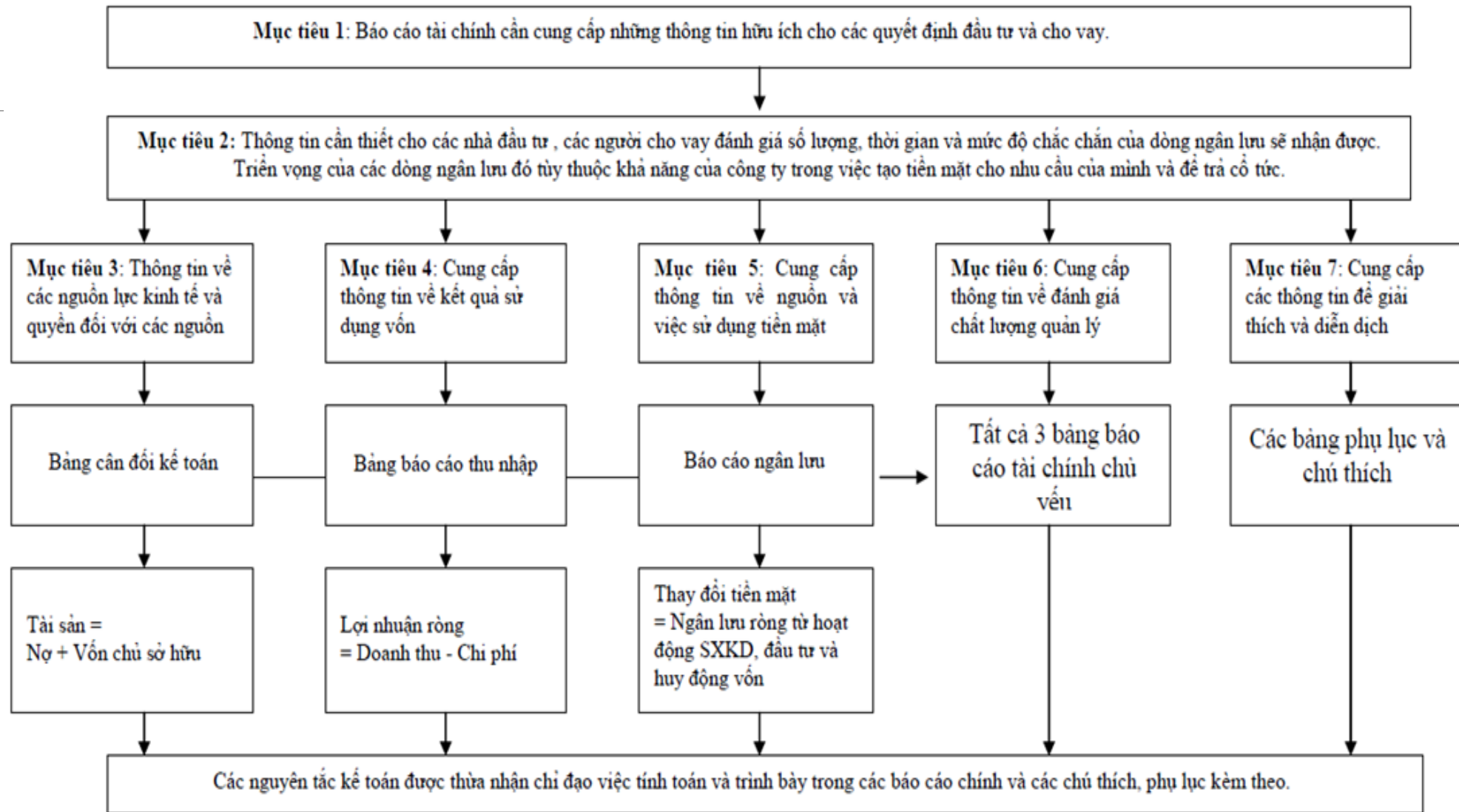
Phân tích xu hướng

Phân tích so sánh (kỳ trước, chỉ tiêu, bình quân ngành, đối thủ cùng ngành)

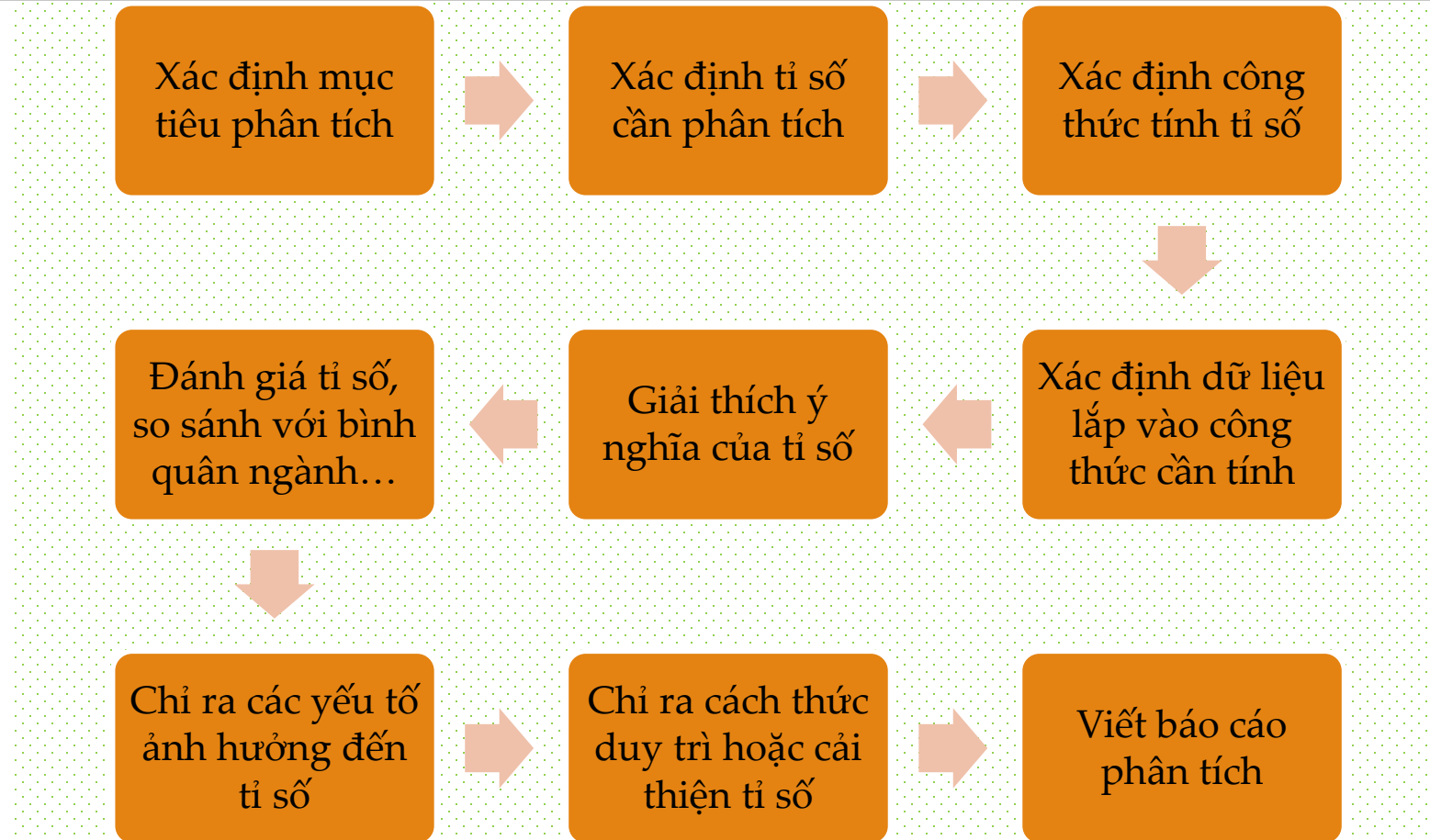
Phân tích tác động các nhân tố thành phần (sử dụng phương pháp thay thế liên hoàn, phương pháp liên hệ cân đối)

Phân tích DuPont

# Tóm tắt tiến trình báo cáo và các báo cáo tài chính cơ bản



# Phân tích các tỉ số tài chính cơ bản



# Các nhóm tỷ số tài chính

---

## Hệ số lợi nhuận

- Tỷ số khả năng sinh lời

## Hệ số rủi ro: thanh khoản, khả năng chi trả

- Tỷ số thanh khoản

## Hệ số cấu trúc bảng cân đối

- Tỷ số quản lý nợ và đòn bẩy tài chính

## Hệ số quản lý

- Tỷ số hiệu quả sử dụng tài sản

## Các tỷ số khác

- Tỷ số tăng trưởng
- Tỷ số giá trị thị trường



# Tóm tắt các tỷ số tài chính của VNM

| Chỉ số                                                                  | Đơn vị | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2019 | Năm 2020 |
|-------------------------------------------------------------------------|--------|----------|----------|----------|----------|
| Các tỷ số thanh khoản                                                   |        |          |          |          |          |
| Tỷ số thanh toán bằng tiền mặt                                          | Lần    | 0.09     | 0.14     | 0.18     | 0.15     |
| Tỷ số thanh toán nhanh                                                  | Lần    | 1.6      | 1.41     | 1.37     | 1.74     |
| Tỷ số thanh toán nhanh (Đã loại trừ HTK, Phải thu ngắn hạn - Tham khảo) | Lần    | 1.13     | 0.96     | 1.05     | 1.37     |
| Tỷ số thanh toán hiện hành (ngắn hạn)                                   | Lần    | 1.99     | 1.93     | 1.71     | 2.09     |
| Các tỷ số sử dụng tài sản                                               |        |          |          |          |          |
| Vòng quay phải thu khách hàng                                           | Vòng   | 17.6     | 15       | 16.4     | 15.6     |
| Thời gian thu tiền khách hàng bình quân                                 |        | 21       | 24       | 22       | 23       |
| Vòng quay hàng tồn kho                                                  | Vòng   | 6.28     | 5.86     | 5.66     | 6.47     |
| Thời gian tồn kho bình quân                                             |        | 58       | 62       | 64       | 56       |
| Vòng quay phải trả nhà cung cấp                                         | Vòng   | 8.21     | 7.03     | 7.79     | 9.34     |
| Thời gian trả tiền khách hàng bình quân                                 |        | 44       | 52       | 47       | 39       |
| Vòng quay tài sản cố định (Hiệu suất sử dụng tài sản cố định)           | Vòng   | 5.39     | 4.38     | 3.99     | 4.15     |
| Vòng quay tổng tài sản (Hiệu suất sử dụng toàn bộ tài sản)              | Vòng   | 1.59     | 1.46     | 1.37     | 1.28     |
| Vòng quay vốn chủ sở hữu                                                | Vòng   | 2.21     | 2.1      | 2.01     | 1.88     |
| Các tỷ số đòn bẩy                                                       |        |          |          |          |          |
| Tỷ số Nợ ngắn hạn trên Tổng nợ phải trả                                 | %      | 94.5     | 95.9     | 96.5     | 96.13    |
| Tỷ số Nợ vay trên Tổng tài sản                                          | %      | 1.57     | 3.41     | 12.3     | 15.45    |
| Tỷ số Nợ trên Tổng tài sản                                              | %      | 31.1     | 29.7     | 33.5     | 30.53    |
| Tỷ số Vốn chủ sở hữu trên Tổng tài sản                                  | %      | 68.9     | 70.3     | 66.5     | 69.47    |
| Tỷ số Nợ ngắn hạn trên Vốn chủ sở hữu                                   | %      | 42.7     | 40.5     | 48.6     | 42.24    |
| Tỷ số Nợ vay trên Vốn chủ sở hữu                                        | %      | 2.27     | 4.86     | 18.4     | 22.24    |
| Tỷ số Nợ trên Vốn chủ sở hữu                                            | %      | 45.2     | 42.2     | 50.4     | 43.94    |
| Các tỷ số lợi nhuận                                                     |        |          |          |          |          |
| Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROEA)                  | %      | 44.5     | 40.8     | 37.8     | 35.02    |
| Tỷ suất sinh lợi trên vốn dài hạn bình quân (ROCE)                      | %      | 51.7     | 47.3     | 45.3     | 42.38    |
| Tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản bình quân (ROAA)                     | %      | 32.2     | 28.4     | 25.8     | 23.83    |

# Chỉ số báo cáo tài chính về tính thanh khoản

| Chỉ số                                                                   | Nó nói lên điều gì                                                                                                           | Tổ chức phi lợi nhuận                                                                                   | Chính quyền                                                                                | Tổ chức vì lợi nhuận/Tổ chức lai                                |
|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| <b>Tỷ số thanh toán hiện hành</b>                                        | Tài sản ngắn hạn có chi trả được các khoản nợ ngắn hạn?<br>Quy tắc ngón cái: >2                                              | (Tài sản ngắn hạn)/(Nợ ngắn hạn)                                                                        | (Tài sản ngắn hạn quỹ chung)/(Nợ ngắn hạn quỹ chung)                                       | (Tài sản ngắn hạn)/(Nợ ngắn hạn)                                |
| <b>Số ngày mà tài sản ròng có tính thanh khoản đủ trang trải chi phí</b> | Liệu nguồn lực có tính thanh khoản nói chung có chi trả được các chi phí hoạt động điển hình?<br>Quy tắc ngón cái: >180 ngày | (Tài sản ròng không giới hạn – Tài sản cố định, khấu hao ròng)/((Tổng chi phí – Khấu hao – Nợ xấu)/365) |                                                                                            |                                                                 |
| <b>Chỉ số thanh toán nhanh</b>                                           | Các tài sản có tính thanh khoản có chi trả được các khoản nợ ngắn hạn?<br>Quy tắc ngón cái: >1                               | (Tiền và khoản tương đương tiền + Khoản phải thu)/(Nợ ngắn hạn)                                         | (Tiền mặt quỹ chung + Đầu tư quỹ chung)/(Nợ phải trả quỹ chung – Người mua trả tiền trước) | (Tiền và khoản tương đương tiền + Khoản phải thu)/(Nợ ngắn hạn) |

## Chỉ số báo cáo tài chính về tính thanh khoản

| Chỉ số                                               | Nó nói lên điều gì                                                                                       | Tổ chức phi lợi nhuận                                                     | Chính quyền                                            | Tổ chức vì lợi nhuận/Tổ chức lai                  |
|------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| <b>Số ngày tiền mặt có sẵn đủ trang trải chi phí</b> | Liệu tổ chức đủ tiền mặt để trang trải chi phí hoạt động điển hình?<br>Quy tắc ngón cái:> 90 ngày        | (Tiền và khoản tương đương tiền)/((Tổng chi phí – Khấu hao – Nợ xấu)/365) |                                                        |                                                   |
| <b>Số dư quỹ HOẶC Tình hình tài chính ngắn hạn</b>   | Nguồn lực nào có sẵn để sử dụng?<br>Quy tắc ngón cái:>5%                                                 |                                                                           | (Số dư quỹ chung không chỉ định)/(Nguồn thu quỹ chung) |                                                   |
| <b>Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh</b>             | Dòng tiền từ hoạt động cơ bản có chi trả được các khoản nợ ngắn hạn không?<br>Quy tắc ngón cái:<br>Dương |                                                                           |                                                        | (Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh)/(Nợ ngắn hạn) |

## Chỉ số báo cáo về khả năng sinh lời

| Chỉ số                                                      | Nó nói lên điều gì                                                                                                  | Tổ chức phi lợi nhuận                                                   | Chính quyền                                                                                                          | Tổ chức vì lợi nhuận/Tổ chức lai                          |
|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| <b>Biên hoạt động</b>                                       | Nguồn thu hoạt động điển hình có chi trả được chi phí hoạt động điển hình?<br><br>Quy tắc ngón cái: dương           | (Thay đổi trong Tài sản ròng không giới hạn)/(Nguồn thu không giới hạn) | (Nguồn thu thuần hoặc chi phí cho các hoạt động của chính quyền/Tổng chi phí cho các hoạt động của chính quyền) x -1 | [(Nguồn thu - Giá vốn hàng bán)/Nguồn thu]                |
| <b>Tăng trưởng tài sản ròng/Tăng trưởng doanh thu thuần</b> | Liệu lợi nhuận có được cải thiện?<br><br>Quy tắc ngón cái: dương                                                    | (Thay đổi tài sản ròng/Thay đổi nguồn thu không hạn chế)                | Thay đổi trong hoạt động của chính quyền<br>Tình trạng ròng/Hoạt động ban đầu Tình trạng ròng                        | (Biên hoạt động năm hiện tại/Biên hoạt động năm trước đó) |
| <b>Tỷ số lợi nhuận trên tài sản</b>                         | Hoạt động quản lý đã tận dụng đòn bẩy tài sản tốt như thế nào để thúc đẩy lợi nhuận?<br><br>Quy tắc ngón cái: dương | (Thay đổi trong tài sản ròng/ Tổng tài sản)                             |                                                                                                                      | (Tổng thu nhập /Tài sản ròng)                             |

## Chỉ số báo cáo về khả năng sinh lời

| Chỉ số                                          | Nó nói lên điều gì                                                                                     | Tổ chức phi lợi nhuận | Chính quyền                                                                                                 | Tổ chức vì lợi nhuận/Tổ chức lai |
|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|
| <b>Nguồn thu riêng</b>                          | <p>Chính quyền phụ thuộc bao nhiêu vào các cấp chính quyền khác?</p> <p>Quy tắc ngón cái: &lt;10%</p>  |                       | Tổng các khoản đóng góp và tài trợ hoạt động của Chính quyền cấp 1/<br>Tổng nguồn thu của Chính quyền cấp 1 |                                  |
| <b>Hệ số vòng quay hàng tồn kho</b>             | <p>Bao lâu thì hàng tồn kho được bán trong một năm?</p> <p>Quy tắc ngón cái: &gt; 1</p>                |                       |                                                                                                             | (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho)  |
| <b>Tỷ số lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu</b> | <p>Các khoản đầu tư của các bên liên quan có lợi nhuận như thế nào?</p> <p>Quy tắc ngón cái: dương</p> |                       |                                                                                                             | (Thu nhập ròng/Vốn chủ sở hữu)   |

## Chỉ số hiệu quả tổ chức phi lợi nhuận

|                          |                                                                                                                  |                                         |  |
|--------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--|
| Hiệu quả gây quỹ         | Số tiền đóng góp trên \$1 chi phí gây quỹ là bao nhiêu?<br><br>Quy tắc ngón cái: > 1                             | (Tổng số tiền đóng góp/Chi phí gây quỹ) |  |
| Chỉ số chi phí nghiệp vụ | Tỷ lệ chi phí đầu tư vào các hoạt động nghiệp vụ so với chi phí quản lý và gây quỹ?<br><br>Quy tắc ngón cái: >.8 | (Chi phí nghiệp vụ/Tổng chi phí)        |  |

# Chỉ số báo cáo về khả năng thanh toán

| Chỉ số                          | Nó nói lên điều gì                                                                                               | Tổ chức phi lợi nhuận                                                                    | Chính quyền                         | Tổ chức vì lợi nhuận/Tổ chức lai |
|---------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------|
| Chỉ số nợ trên tài sản          | Bao nhiêu phần trăm tài sản của tổ chức được tài trợ bằng nợ?<br><br>Quy tắc ngón cái: <1                        | (Tổng nợ/Tổng tài sản)                                                                   |                                     | (Tổng nợ/Tổng tài sản)           |
| Chỉ số đóng góp                 | Tổ chức phụ thuộc bao nhiêu vào các nhà tài trợ?<br><br>Quy tắc ngón cái: >10% nhưng <75%                        | (Nguồn thu đóng góp)/(Tổng nguồn thu)                                                    |                                     |                                  |
| Chỉ số nguồn thu từ chính quyền | Tổ chức phụ thuộc bao nhiêu vào tài trợ chính quyền?<br><br>Quy tắc ngón cái: <25%                               | (Nguồn thu chính quyền)/(Tổng nguồn thu)                                                 |                                     |                                  |
| Khả năng thanh toán ngắn hạn    | Liệu chính quyền có thể đáp ứng các nghĩa vụ ngắn hạn dựa vào nguồn thu hàng năm?<br><br>Quy tắc ngón cái: <150% | [(Nợ phải trả chính quyền chính – Thu nhập hạch toán trước)/Nguồn thu chính quyền cấp 1] |                                     |                                  |
| Gánh nặng nợ                    | Chính quyền có thể vay thêm bao nhiêu tiền?<br><br>Quy tắc: Tùy thuộc                                            |                                                                                          | Nợ dài hạn chính quyền chính/Dân số |                                  |

Chỉ số báo cáo về khả năng thanh toán

| Chỉ số                         | Nó nói lên điều gì                                                                                           | Tổ chức phi lợi nhuận | Chính quyền                                                                                           | Tổ chức vì lợi nhuận/Tổ chức lai              |
|--------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| Khả năng chi trả 1             | Liệu chính quyền có dễ dàng trả các khoản nợ khi đến hạn?<br><br>Quy tắc ngón cái: < .25                     |                       | (Tiền gốc và lãi của chính quyền đối với các khoản nợ dài hạn/chi tiêu quỹ chung)                     |                                               |
| Khả năng chi trả 2             | Liệu hoạt động doanh nghiệp của chính quyền có thể dễ dàng trả nợ khi đến hạn?<br><br>Quy tắc ngón cái: > .5 |                       | Nguồn thu hoạt động quỹ doanh nghiệp/Chi phí lãi quỹ doanh nghiệp                                     |                                               |
| Điều kiện tài sản vốn          | Liệu chính quyền đầu tư vào tài sản vốn của nó?<br><br>Quy tắc ngón cái: dương                               |                       | (Giá trị ròng kết thúc của tài sản vốn chính quyền chính - Giá trị ròng bắt đầu)/Giá trị ròng bắt đầu |                                               |
| Vốn lưu động trên tổng tài sản | Tổ chức có thua lỗ từ hoạt động nghiệp vụ?<br><br>Quy tắc ngón cái: dương                                    |                       |                                                                                                       | (Tài sản ngắn hạn - Nợ ngắn hạn)/Tổng tài sản |
| Tổng vốn chủ sở hữu            | Tính thanh khoản dài hạn của tổ chức là gì?<br><br>Quy tắc ngón cái: > .5                                    |                       |                                                                                                       | (Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản)                 |



Bài  
kiểm tra  
điểm 10

| Chỉ số                       | Công thức tính toán                                                                                            | Tính toán cho thành phố Overland Park, bang Kansas                                       |
|------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tính thanh khoản             |                                                                                                                |                                                                                          |
| Tình hình tài chính ngắn hạn | (Số dư quỹ chung chưa được chỉ định)/(Nguồn thu quỹ chung)                                                     | $(\$41,202,961)/(\$142,624,791) = 0.29 = 29\%$                                           |
| Tính thanh khoản             | (Tiền mặt quỹ chung + Đầu tư quỹ chung)/(Nợ phải trả quỹ chung)                                                | $(\$60,313,574)/(\$7,064,270) = 8.54 = 854\%$                                            |
| Khả năng sinh lời            |                                                                                                                |                                                                                          |
| Tăng trưởng tài sản ròng     | Thay đổi trong hoạt động của chính quyền Tình trạng ròng/<br>Hoạt động ban đầu của chính quyền Tình trạng ròng | $\$14,616,936/\$960,524,629 = 0.02 = 2\%$                                                |
| Biên hoạt động               | (Thu nhập (Chi phí) ròng của các hoạt động của Chính quyền/Tổng chi phí của các hoạt động Chính quyền) x -1    | $(-\$125,846,359/\$205,896,739)(-1) = 0.61 = 61\%$                                       |
| Nguồn thu riêng              | Các khoản đóng góp hoạt động của Chính quyền chính/Tổng nguồn thu của Chính quyền chính                        | $\$14,115,047/(\$60,993,230 + \$14,115,057 + \$34,752,883 + \$143,728,996) = 0.06 = 6\%$ |

Bài  
kiểm tra  
điểm 10

| Chỉ số                       | Công thức tính toán                                                                                   | Tính toán cho thành phố Overland Park, bang Kansas                                          |
|------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|
| Khả năng thanh toán          |                                                                                                       |                                                                                             |
| Khả năng thanh toán ngắn hạn | (Nợ chính quyền chính)/ (Tổng nguồn thu của chính quyền chính)                                        | $\$21,231,313/(\$60,993,230+\$14,115,057+\$34,752,883+\$143,728,996)$<br><br>$= 0.08 = 8\%$ |
| Gánh nặng nợ                 | Nợ dài hạn chính quyền chính/Dân số                                                                   | $(\$284,967,097)/(175,000) = \$1,628$                                                       |
| Khả năng chi trả 1           | (Tiền gốc và lãi các khoản nợ dài hạn của quỹ chính quyền/Chi tiêu chung của quỹ)                     | $\$22,596,369/\$101,752,631 = 0.22 = 22\%$                                                  |
| Khả năng chi trả 2           | Nguồn thu hoạt động quỹ doanh nghiệp/Chi phí lãi quỹ doanh nghiệp                                     | $\$30,081,558/\$5,797,658 = 6.89$                                                           |
| Điều kiện tài sản vốn        | (Giá trị ròng kết thúc của tài sản vốn chính quyền cấp 1 - Giá trị ròng bắt đầu)/Giá trị ròng bắt đầu | $(\$871,940,863-\$863,435,252)/(\$863,435,252)=$<br>$.0098 = 0.98\%$                        |

## Chiến lược tài chính

| Tính thanh khoản | Khả năng sinh lời | Khả năng thanh toán | Chiến lược                                                                                                                                                                                                                                                            |
|------------------|-------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| +                | +                 | —                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Chuyển nguồn lực có tính thanh khoản sang đầu tư an toàn</li> <li>Đánh giá chính sách quỹ dự trữ</li> <li>Mở rộng hoạt động tài chính</li> </ul>                                                                               |
| +                | +                 | —                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Đầu tư vào thiết bị vốn, cơ sở vật chất</li> <li>Đầu tư vào các chương trình, dịch vụ tạo nguồn thu</li> <li>Tái cấu trúc/Tái cấp vốn các khoản nợ dài hạn</li> </ul>                                                          |
| +                | —                 | +                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Chuyển nguồn lực có tính thanh khoản sang đầu tư an toàn</li> <li>“Lau chùi” các khoản mục chi phí ngắn hạn</li> <li>Đầu tư vốn để tăng hiệu quả</li> <li>Đàm phán lại giá/các khoản bồi hoàn/tỷ lệ thu hồi chi phí</li> </ul> |
| +                | —                 | —                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Đầu tư vào thiết bị vốn, cơ sở vật chất</li> <li>Tăng quy mô; tăng số lượng đăng ký chương trình, số lượng khách hàng...</li> <li>Khám phá quan hệ đối tác để mở rộng sự tham gia, đầu tư</li> </ul>                           |

## Chiến lược tài chính

| Tính thanh khoản | Khả năng sinh lời | Khả năng thanh toán | Chiến lược                                                                                                                                                                                              |
|------------------|-------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| —                | +                 | +                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Vay ngắn hạn để dòng tiền thông suốt</li> <li>Hướng nhà tài trợ đến quỹ dự trữ</li> </ul>                                                                        |
| —                | +                 | —                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Hướng nhà tài trợ đến khoản hiến tặng</li> <li>Hướng nhà tài trợ đến quỹ dự trữ</li> <li>Tái cấp vốn thế chấp và các nghĩa vụ dài hạn khác.</li> </ul>           |
| —                | —                 | +                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Bán hoặc cho thuê tài sản vốn</li> <li>Hướng nhà tài trợ đến khoản hiến tặng</li> <li>Giảm quy mô, tìm đối tác hoặc thuê ngoài các chương trình chính</li> </ul> |
| —                | —                 | —                   | Với sự chú ý cẩn thận để giảm thiểu tác động đến các bên liên quan chính, xem xét sáp nhập, mua lại hoặc thanh lý sẽ cho phép các nguồn lực khác tăng cường thực hiện sứ mệnh của tổ chức.              |